

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KS
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

Bản án số: 07/2024/DS-ST

Ngày 10/9/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KS, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Văn Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Mâu Xuân Hạnh
- Bà Trần Thị Ngọc Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thường - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện KS, tỉnh Khánh Hòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện KS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2024/TLST-DS, ngày 07 tháng 6 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐST-DS ngày 22 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lã Thị L - sinh năm 1962.

Nơi cư trú: 14 LLQ, tổ dân phố HP, thị trấn TH, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.
(bà L có mặt).

Bị đơn: Ông Vương Minh N – sinh năm 1964

Nơi cư trú: Thôn DT, xã BCB, huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.
(ông N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2024, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lã Thị L trình bày:

Vào ngày 02/3/2023, ông Vương Minh N có đến nhà bà Lã Thị L vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn từ 03 giờ chiều (15 giờ) ngày 02/3/2023 đến 08 giờ sáng ngày 03/3/2023 sẽ trả với lời đề nghị và lời hứa của ông N nên bà L đã tin tưởng và đưa cho ông N số tiền 70.000.000đ, lãi suất 5% (lãi suất qua đêm), hai bên có lập giấy viết tay “Giấy vay tiền” ngày 02/3/2023 có chữ ký của ông N xác nhận. Về lãi suất bà L không ghi vào giấy vay tiền vì ông N hứa sáng

ngày mai ông N trả nên bà L không ghi lãi suất vào giấy vay tiền. Đến 08 giờ sáng ngày hôm sau (tức ngày 03/3/2023), ông N không trả bà L số tiền vay như đã hứa. Rất nhiều lần bà L đã gặp ông N đòi trả số tiền vay nhưng ông N chỉ hứa mà không trả.

Về tiền lãi bà L yêu cầu: Tính từ ngày 02/3/2023 đến ngày 10/9/2024, là 557 ngày, lãi suất 5%/tháng (60%/năm).

$(70.000.000đ \times 60\%/năm) \times 557 \text{ ngày} = 64.093.150 \text{ đồng.}$

Nay bà Lã Thị L yêu cầu Toà án giải quyết buộc ông Vương Minh N phải trả cho bà Lã Thị L số tiền vay là 134.093.150 đồng; trong đó: Tiền gốc 70.000.000 đồng, tiền lãi: 64.093.150 đồng.

Tại phiên toà bà L rút một phần yêu cầu về lãi suất với số tiền 53.410.959đ. Như vậy, bà L yêu cầu ông N phải trả cho bà L số tiền vay là 80.682.191 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi mốt đồng); trong đó: Tiền gốc 70.000.000 đồng; tiền lãi 10.682.191 đồng.

Tại bản tự khai ngày 22/6/2024, biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2024 ông Vương Minh N trình bày:

Vào chiều ngày 02/3/2023, ông N có đến nhà bà Lã Thị L vay số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), thời hạn từ 03 giờ chiều (15 giờ) ngày 02/3/2023 đến 08 giờ sáng ngày 03/3/2023, hai bên có lập giấy viết tay “Giấy vay tiền” ngày 02/3/2023 có chữ ký của ông N xác nhận (mục đích vay là vay hộ bà Nguyễn Thị Hồng H), khi vay hai bên không thoả thuận về lãi suất.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2024, ông N đồng ý trả nợ tiền gốc 70.000.000 đồng cho bà L vào ngày 30/9/2024; về tiền lãi: Ông N đồng ý trả tiền lãi cho bà L là 10%/năm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về giải quyết toàn bộ vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn đã vi phạm quy định về nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Ông Vương Minh N phải trả cho bà Lã Thị L số tiền là 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng) và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử yêu cầu của bà L về yêu cầu ông N phải trả số tiền lãi là: 53.410.959đ.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:

Nguyên đơn cung cấp:

Giấy vay tiền ngày 02/03/2023.

Bản phô tô căn cước công dân mang tên bà Lã Thị L.

Bị đơn cung cấp: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên Tòa; căn cứ vào ý kiến tranh luận tại phiên tòa; đề nghị của kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Bà Lã Thị L nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Khánh Sơn giải quyết buộc ông Vương Minh N phải trả số tiền nợ vay, nên đây là tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*”. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện KS.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn bà Lã Thị L đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn ông Vương Minh N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên tòa, nhưng ông N vắng mặt. Xét thấy bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. *Về nội dung vụ án:* Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp thể hiện: Bà Lã Thị L có cho ông Vương Minh N vay số tiền là 70.000.000 đồng, hai bên có viết giấy vay tiền (đề ngày 02/3/2023), có chữ ký của ông Vương Minh N. Việc vay tiền và viết giấy vay tiền được ông N xác nhận là đúng sự thật (tại bản tự khai ngày 22/6/2024) nên giấy vay tiền đề ngày 02/3/2023 là tài liệu, chứng cứ của vụ án.

Giấy vay tiền không thỏa thuận về lãi suất, ông N cam kết sáng ngày hôm sau (tức ngày 03/3/2023) sẽ trả cho bà L. Tuy nhiên đến hạn trả nợ ông N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà L, bà L đã nhiều lần đến gặp ông N yêu cầu trả hết số nợ trên nhưng ông N cứ lẩn tránh, không trả, gây khó khăn cho bà L. Tại biên bản lấy lời ngày 30/7/2024, ông N đồng ý trả cho bà L số tiền gốc 70.000.000 đồng; thời hạn trả ngày 30/9/2024. Yêu cầu của ông N không được bà L chấp thuận, bà L yêu cầu ông N phải trả ngay toàn bộ số tiền gốc và lãi cho bà L.

Xét thấy, việc vay tài sản đã kéo dài một thời gian nhưng bị đơn không có thiện chí trả nợ đã làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật, nên căn cứ Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Buộc ông Vương Minh N phải trả ngay cho bà L số tiền gốc là 70.000.000đ.

[3]. Xét yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất của khoản tiền vay:

Tính từ ngày 02/3/2023 đến ngày 10/9/2024, là 557 ngày, lãi suất 5%/tháng (60%/năm).

$(70.000.000đ \times 60\%/năm) \times 557 \text{ ngày} = 64.093.150 \text{ đồng.}$

Trong giấy vay tiền ngày 02/3/2023, giữa bà L và ông N không thỏa thuận về lãi suất, bà L không cung cấp được các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình.

Tại phiên tòa bà L rút một phần yêu cầu về lãi suất số tiền 53.410.959đ

Xét thấy việc rút một phần yêu cầu của bà L là tự nguyện, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử yêu cầu của bà L về yêu cầu ông N phải trả số tiền lãi là: 53.410.959đ.

Xét thấy tại biên bản lấy lời khai ngày 30/7/2024, ông N đã đồng ý trả tiền lãi cho bà L là 10%/năm. Vì vậy căn cứ khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, nên chấp nhận yêu cầu của bà L; cụ thể như sau:

Tiền lãi tính từ ngày 02/3/2023 đến ngày 10/9/2024 là 557 ngày.

$(70.000.000đ \times 10\%/năm \times 557 \text{ ngày}) = 10.682.191 \text{ đồng}$

[4]. Tổng cộng số tiền mà ông N phải trả cho bà L là 80.682.191 đồng; trong đó: Tiền gốc 70.000.000đ; tiền lãi 10.682.191đ.

[5]. *Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Ông Vương Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật là:

$(80.682.191đ \times 5\%) = 4.034.109 \text{ đồng.}$

Hoàn trả lại cho bà Lã Thị L 2.887.500đ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- *Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 244; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

- *Căn cứ các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;*

- *Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.*

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Buộc ông Vương Minh N phải trả cho bà Lã Thị L số tiền vay là 80.682.191 đồng (Tám mươi triệu sáu trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi một đồng); trong đó: Tiền gốc 70.000.000 đồng; tiền lãi 10.682.191 đồng.

[2]. Đình chỉ xét xử yêu cầu của bà Lã Thị L về yêu cầu ông Vương Minh N phải trả cho bà Lã Thị L số tiền lãi là: 53.410.959đ.

[3]. *Về án phí:* Ông Vương Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo quy định của pháp luật là 4.034.109 đồng (Bằng chữ: Bốn triệu không trăm ba mươi tư nghìn một trăm linh chín đồng).

Hoàn trả lại cho bà Lã Thị L 2.887.500đ (Bằng chữ: Hai triệu tám trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000041 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện KS, tỉnh Khánh Hòa.

[3]. *Quy định:* Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày bà Lã Thị L có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải thi hành án cho người

được thi hành án) mà ông Vương Minh N chưa thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng ông Vương Minh N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. *Quyền kháng cáo:* Nguyên đơn bà Lã Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; ông Vương Minh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện KS;
- THADS huyện KS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Văn Vương